# CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VƯỢT TRỘINHẰM PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

Chủ nhiệm đề tài: **TS. Võ Duy Khương**

Cơ quan chủ trì: **Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng**

Năm nghiệm thu: **2011**

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 16/10/2003, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 33 (NQ 33) về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH), theo đó, Bộ Chính trị đã đặt ra mục tiêu xây dựng Thành phố trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội (KT-XH) lớn của miền Trung,… và phấn đấu trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp CNH-HĐH, cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

 Ngày 16/01/2006, Chính phủ đã ban hành Quyết định 13/2006/QĐ-TTg (QĐ 13) quy định một số cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với thành phố Đà Nẵng, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 34/2006/TT-BTC ngày 19/4/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành QĐ 13. Sau 07 năm thực hiện NQ 33 và 05 năm thực QĐ 13, Thành phố đã có những bước phát triển nhanh và toàn diện trên nhiều lĩnh vực như tốc độ tăng trưởng GDP luôn duy trì ở mức khá cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng CNH-HĐH, thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tăng nhanh cả về quy mô và tốc độ, kết cấu hạ tầng được đầu tư khá hoàn chỉnh…

 Tuy nhiên, kết quả thực hiện NQ 33 và QĐ 13 vẫn còn hạn chế, vì vậy việc đánh giá kết quả thực hiện QĐ 13 về thực trạng huy động và sử dụng các nguồn tài chính, các cơ chế ngân sách, tài chính ưu đãi trong thời gian qua và đề xuất một số cơ chế vượt trội mới phù hợp với đặc điểm tình hình của thành phố Đà Nẵng trong thời gian đến là hết sức cần thiết, nhằm tạo cho Đà Nẵng khả năng nắm bắt thời cơ và đáp ứng nhu cầu phát triển Thành phố trong thời kỳ CNH-HĐH.

## II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

 Trên cơ sở đánh giá thực trạng cơ chế tài chính, ngân sách chung và cơ chế ngân sách ưu đãi cho thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2006-2010, đề xuất các cơ chế vượt trội để phát triển thành phố Đà Nẵng nhằm thực hiện thắng lợi NQ 33 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XX, nhất là kiến nghị Chính phủ ban hành cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi cho thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2011-2015.

## III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế vượt trội;

 - Đánh giá về tình hình phát triển KT-XH thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010;

 - Phân tích thực trạng cơ chế tài chính và cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi cho thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2006-2010, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm;

 - Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động tài chính, ngân sách của thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2011-2020;

 - Đề xuất các cơ chế vượt trội để phát triển thành phố Đà Nẵng theo mục tiêu, nội dung NQ 33 của Bộ Chính trị, nhất là kiến nghị Chính phủ ban hành cơ chế tài chính, chính sách ưu đãi cho thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2011-2015.

## IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1.Cơ sở lý luận và thực tiễn

Nhóm nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu các nội dung sau:

 - Làm rõ các khái niệm cơ chế, cơ chế tài chính, ngân sách, ngân sách ưu đãi cũng như vai trò của cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với sự phát triển;

 - Trình bày các nội dung cơ bản phân cấp ngân sách và Luật NSNN ở Việt Nam hiện nay;

 - Giới thiệu cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với thành phố Đà Nẵng thời gian qua;

 - So sánh cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi hiện hành giữa 5 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam;

 - Kinh nghiệm của một số địa phương trong việc thực hiện cơ chế tài chính ưu đãi.

### 2. Thực trạng thực hiện cơ chế vượt trội cho thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010

Nhóm nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu:

 - Đánh giá chung về thành tựu đạt được của thành phố Đà Nẵng thời gian qua;

 - Đánh giá thực trạng thu chi NSNN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010;

 - Phân tích thực trạng cơ chế tài chính phục vụ đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010;

 - Phân tích thực hiện cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010.

 Trong giai đoạn 2006-2010, các hoạt động tài chính của thành phố Đà Nẵng đã đạt nhiều thành tựu to lớn, cụ thể:

 - Thu NSNN trên địa bàn tăng nhanh cả về quy mô và tốc độ, đến năm 2010 Đà Nẵng là một trong số ít các địa phương trên cả nước và là địa phương duy nhất ở khu vực miền Trung - Tây nguyên có quy mô thu NSNN đạt trên 10.000 tỷ đồng/năm và tự cân đối được thu, chi ngân sách;

 - Cơ cấu chi ngân sách địa phương (NSĐP) có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển (ĐTPT), tập trung giải quyết những vấn đề KT-XH bức xúc; đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ;

 - Việc thực hiện QĐ 13 đã tạo ra những thuận lợi cơ bản cho thành phố trong việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình, dự án có quy mô lớn, có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển KT-XH của thành phố và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

 Do đó hoạt động tài chính đã thực sự trở thành công cụ quan trọng trong huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực vật chất của thành phố, góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời là tiền đề quan trọng thực hiện thắng lợi những mục tiêu chủ yếu trong kế hoạch phát triển 5 năm 2006-2010 của thành phố Đà Nẵng.

 Bên cạnh những thành tựu đạt được, các hoạt động tài chính của thành phố vẫn còn tồn tại một số bất cập trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực, đặc biệt là việc sử dụng các nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và phát triển bền vững.

 Từ thực tiễn hoạt động, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

 - Một là, từng bước đa dạng hóa các hình thức và công cụ huy động nguồn lực tài chính (trung ương, thành phố, xã hội, nước ngoài) nhằm động viên, khai thác tối đa mọi nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển KT-XH;

 - Hai là, tập trung các nguồn lực tài chính để đột phá vào những khâu trọng yếu, mang tính then chốt như đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các ngành dịch vụ giá trị gia tăng (GTGT) lớn, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,…tạo ra hiệu ứng lan tỏa trong phát triển, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực;

 - Ba là, phân phối các nguồn lực tài chính góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội (các chương trình 5 không, 3 có), bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là các hộ đặc biệt nghèo, đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa và các đối tượng yếm thế trong xã hội;

 - Bốn là, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Trung ương về cơ chế ngân sách, tài chính ưu đãi, sự hợp tác của các địa phương bạn nhằm hình thành các liên kết kinh tế vùng và sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

### 3. Cơ chế vượt trội phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020

#### 3.1. Định hướng phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020

***3.1.1. Mục tiêu tổng quát***

 Căn cứ NQ 33 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Quyết định 1866/QĐ-TTg về Quy hoạch tổng thể (QHTT) phát triển KT-XH thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XX, mục tiêu tổng quát phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 là:

 Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một đô thị lớn của cả nước, là trung tâm KT-XH của miền Trung với vai trò là trung tâm dịch vụ, thành phố cảng biển; đầu mối giao thông quan trọng về vận tải và trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; trung tâm bưu chính viễn thông và tài chính - ngân hàng; một trong những trung tâm y tế, văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ của miền Trung; trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của khu vực miền Trung và của cả nước, tạo nền tảng để xây dựng thành phố trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

***3.1.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển giai đoạn 2011-2015***

 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XX quyết định một số chỉ tiêu phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015 như sau:

 - Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng bình quân 13,5-14,5%/năm. Trong đó: Dịch vụ tăng 16-17%/năm, công nghiệp - xây dựng tăng 8,5-9,5%/năm, nông nghiệp tăng 1,5-2,5%/năm.

 - Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người đạt 3.200 USD.

 - Cơ cấu GDP năm 2015: Dịch vụ: 54,2% - Công nghiệp, Xây dựng: 43,8% và Nông nghiệp: 2,0%.

 - Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 17-18%/năm.

 - Giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 12-13%/năm, trong đó công nghiệp tăng 11,5-12,5%/năm, xây dựng tăng 13-14%/năm.

 - Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 3-4%/năm.

 - Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16-17%/năm.

 - Tổng thu NSNN tăng 11,5-12,5%/năm; tổng chi NSĐP tăng 10-11%/năm.

 - Tổng vốn ĐTPT trên địa bàn tăng 15-16%/năm.

 - Đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 55%.

***3.1.3. Định hướng phát triển giai đoạn 2016-2020***

Quyết định 1866/QĐ-TTg ngày 08/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, trong đó xác định một số chỉ tiêu định hướng phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020 như sau:

 - Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng bình quân 12-13%/năm.

 - Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người đạt 4.500-5.000 USD.

 - Cơ cấu GDP năm 2020: Dịch vụ: 55,6% - Công nghiệp, Xây dựng: 42,8% và Nông nghiệp: 1,6%.

 - Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 20%/năm.

 - Đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 70%.

#### 3.2. Quan điểm, mục tiêu và một số dự báo cân đối vĩ mô trong việc xây dựng cơ chế vượt trội

***3.2.1. Quan điểm***

 Cơ chế vượt trội cho thành phố Đà Nẵng được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau:

 - Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, đặc biệt là NQ 33 ngày 16/10/2003 của Bộ chính trị khóa X và Quyết định số 1866/QĐ-TTg ngày 08/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

 - Kế thừa QĐ 13 ngày 16/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát huy mọi thế mạnh, tiềm năng sẵn có của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, của Đà Nẵng nói riêng, tạo được động lực mang tính đột phá, giải quyết được những bức xúc trong quản lý, điều hành góp phần xây dựng, phát triển thành phố Đà Nẵng, tác động lan tỏa đến các tỉnh trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên;

 - Đổi mới phương thức quản lý NSNN phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc thù của thành phố Đà Nẵng. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, đảm bảo tính thống nhất của NSNN và vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương (NSTƯ), đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo của ngân sách các cấp chính quyền địa phương trong quản lý và sử dụng NSNN;

 - Việc xây dựng cơ chế vượt trội cần có sự quan tâm, chỉ đạo tập trung của Trung ương, sự phối hợp của các Bộ, ban, ngành, các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với Đà Nẵng. Về cơ bản, các cơ chế, chính sách tài chính ưu đãi cho Đà Nẵng phải do các cơ quan nhà nước Trung ương ban hành để thành phố Đà Nẵng thực hiện;

 - Cùng với cơ chế, chính sách tài chính ưu đãi cho Đà Nẵng, cần quy định điều kiện đảm bảo thi hành trên thực tế, đặc biệt là việc phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan Trung ương, chính quyền thành phố Đà Nẵng và cơ chế huy động nguồn lực thích hợp;

 - Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phù hợp của một số nước, đặc biệt là các nước có một số điều kiện tương tự như Việt Nam cũng như các cơ chế ưu đãi, ưu đãi cho Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

***3.2.2. Mục tiêu tổng quát***

Mục tiêu của việc xây dựng cơ chế vượt trội là đảm bảo tiềm lực tài chính thành phố đủ mạnh để chủ động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và phát triển mạnh, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, lành mạnh; đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác quản lý, giám sát tài chính.

***3.2.3. Một số dự báo cân đối vĩ mô***

Trên cơ sở thực trạng huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính giai đoạn 2006-2010; các chỉ tiêu phát triển KT-XH 5 năm 2011-2015 và quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH đến năm 2020 của thành phố Đà Nẵng; kết hợp với phương pháp dự báo theo tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng chiếm lĩnh, dự báo một số chỉ tiêu cân đối vĩ mô về quy mô tốc độ tăng GDP, vốn đầu tư phát triển xã hội, thu NSNN trên địa bàn, thu ngân sách địa phương (NSĐP), chi NSĐP, chi ĐTPT, chi thường xuyên, chi trả nợ (gốc và lãi).

 *\* Về quy mô tốc độ tăng GDP*

- Tốc độ tăng GDP thực tế giai đoạn 2011-2015 là 20,92%/năm, giai đoạn 2016-2020 là 18,10%/năm; tương ứng với tốc độ tăng GDP theo giá so sánh là 13,5%/năm cho cả hai giai đoạn;

 - Quy mô GDP theo giá thực tế năm 2015 là 74.403 tỷ đồng và năm 2020 là 170.909 tỷ đồng.

 *\* Về vốn đầu tư phát triển xã hội*

 - Tốc độ tăng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2011-2015 là 16-17%/năm, giai đoạn 2016-2020 là 16%/năm;

 - Quy mô vốn đầu tư xã hội năm 2015 là 36.740 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2011-2015 là 138.093 tỷ đồng (phù hợp kế hoạch 5 năm), tỷ trọng vốn đầu tư so với GDP là 52,4%.

#### 3.3. Nhóm các giải pháp vượt trội

Các giải pháp vượt trội bao gồm: phân cấp nguồn thu cho Thành phố, hỗ trợ có mục tiêu của NSTW, tăng thu từ nguồn sử dụng đất và công sản, đổi mới chi tiêu công, giải pháp về cơ chế tài chính phục vụ ĐTPT.

*\* Về phân cấp nguồn thu cho Thành phố*

- Đối với các khoản thu mà NSTW được hưởng 100%, đề nghị chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của các đơn vị hạch toán toàn ngành vào nhóm các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

 - Đối với số tăng thu so với dự toán của các khoản thu NSTW được hưởng 100% (thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu) đề nghị ưu tiên bổ sung có mục tiêu (100% số tăng thu) cho NSĐP để đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng.

 - Đối với các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % NSTW và NSĐP:

 + Về thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành được phân bổ cho các địa phương theo doanh thu phát sinh trên địa bàn, sau đó được phân chia theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP;

 + Đối với số tăng thu so với dự toán của các khoản thu phân chia giữa NSTWvà NSĐP, đề nghị cho ngân sách thành phố (NSTP) được hưởng 30% số tăng thu và NSTW bố trí 70% còn lại của số tăng thu để thành phố sử dụng: Đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng; bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA; chi trả nợ các khoản vay cho đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của NSTP, thực hiện các nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển KT-XH, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội của thành phố và thưởng cho ngân sách cấp dưới.

 - Đối với các khoản thu mà NSĐP được hưởng 100%:

 + Về thuế TNDN của các đơn vị hạch toán tập trung tại Hội sở chính gồm các ngân hàng TMCP, các doanh nghiệp kinh doanh viễn thông, các hãng bảo hiểm;

+ Khoản thuế TNDN từ các đơn vị hạch toán tập trung được phân bổ giữa địa phương có hội sở chính và các địa phương theo doanh thu phát sinh trên địa bàn;

 + Tăng cường sự chủ động cho địa phương trong việc tạo nguồn thu thông qua sửa đổi, bổ sung một số sắc thuế theo hướng luật quy định khung thuế suất để các địa phương (có trình độ KT-XH phát triển, đã cân đối được thu chi ngân sách) quyết định thuế suất cụ thể hằng năm trong khung quy định đối với các sắc thuế đã phân cấp 100% cho địa phương được hưởng.

*\*Về giải pháp về cơ chế tài chính phục vụ ĐTPT*

- Nguồn vốn trong nước:

 + Nguồn vốn tín dụng ĐTPT của Nhà nước;

+ Nguồn vốn phát hành trái phiếu;

 + Nguồn vốn xã hội hóa;

 + Về phân cấp vay nợ.

- Nguồn vốn ngoài nước:

 + Nguồn vốn FDI;

 + Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

#### 3.4. Các giải pháp hỗ trợ

- Các giải pháp tăng cường quản lý cho NSĐP;

 - Giải pháp về quy hoạch;

 - Giải pháp về tạo lập môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, thuận lợi;

 - Đẩy mạnh liên kết kinh tế với các tỉnh trong khu vực duyên hải miền Trung.

### 3.5. Các kiến nghị

***3.5.1. Đối với Bộ Chính trị***

 Tổng kết, đánh giá và bổ sung, hoàn thiện NQ 33 của Bộ Chính trị khóa IX về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.

***3.5.2. Đối với Quốc hội***

 Đề nghị Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các luật sau:

 - Sửa đổi, bổ sung Luật NSNN theo hướng:

 + Bổ sung thêm thuế TNDN của các đơn vị hạch toán toàn ngành vào các khoản phân chia giữa NSTW và NSĐP;

 + Đới với số tăng thu so với dự toán của các khoản thu NSTW được hưởng 100%, đề nghị ưu tiên bổ sung có mục tiêu cho NSĐP để đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng;

 + Đối với số tăng thu so với dự toán của các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP, đề nghị cho NSTP được hưởng 30% số tăng thu và NSTW bố trí 70% còn lại của số tăng thu để thành phố sử dụng;

 + Tăng thêm hạn mức dư nợ di động vay đầu tư xây dựng cơ bản lên 100% dự toán hàng năm cho các địa phương đã cân đối được thu, chi ngân sách, cần ưu tiên phát triển.

 - Sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNDN, Luật Đầu tư, Thuế GTGT, thu nhập cá nhân, tiêu thụ đặc biệt,…

 - Sửa đổi, bổ sung Luật quản lý thuế theo hướng: Bổ sung thẩm quyền cho UBND thành phố được phép gia hạn nộp thuế, xây dựng lộ trình nộp nợ thuế (có cam kết của doanh nghiệp, có thời hạn hợp lý) đối với một số trường hợp cụ thể.

***3.5.3. Đối với Chính phủ***

 - Xây dựng và ban hành Quyết định của Chính phủ quy định một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù cho thành phố Đà Nẵng để thay thế QĐ 13 và tiếp tục triển khai NQ 33 của Bộ Chính trị khóa IX.

 - Ưu tiên bố trí vốn từ NSTW, nguồn vốn ODA thông qua các Bộ, ngành trung ương cho các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng.

 - Cho phép thành phố được tự cân đối ngân sách để đủ nguồn thu thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, nguồn còn lại được sử dụng để bổ sung cho đầu tư xây dựng cơ bản và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách khác của thành phố.

 - Đề nghị tạo sự ưu tiên đối với thành phố Đà Nẵng trong quá trình xúc tiến đầu tư FDI, vận động ODA.

***3.5.4. Đối với thành phố Đà Nẵng***

 - Chuyển đổi mô hình kinh tế của Thành phố từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, tập trung vào các ngành dịch vụ chất lượng cao, có GTGT lớn và các ngành công nghiệp công nghệ cao.

 - Sớm công bố danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi các nguồn vốn đầu tư nước ngoài và các nguồn vốn xã hội hóa.

 - Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là thu hút nguồn nhân lực trình độ, làm cơ sở để tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững.

## V. KẾT LUẬN

 Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị khóa IX và nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ XX, việc xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế vượt trội cho thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2011-2020 là hết sức cần thiết và cấp bách.

 Trong khuôn khổ đề tài, Nhóm nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu và hoàn thành các nội dung chủ yếu sau:

 + Một là, trình bày những nội dung cơ bản về cơ chế tài chính, ngân sách; cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi ở Việt Nam; đồng thời đã tiến hành so sánh cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi đối với 05 thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam.

 + Hai là, đánh giá thực trạng thu, chi NSNN trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010; đồng thời phân tích thực trạng cơ chế tài chính phục vụ đầu tư phát triển, tình hình thực hiện cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2006-2010; từ đó đưa ra các đánh giá chung và rút ra các bài học kinh nghiệm.

 + Ba là, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực hiện cơ chế vượt trội của thành phố Đà Nẵng cũng như tổng hợp nhu cầu vốn và nguồn vốn cần thiết của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2011-2015.

 + Bốn là, đưa ra các quan điểm, mục tiêu và dự báo một số chỉ tiêu cân đối vĩ mô trong việc xây dựng cơ chế, tài chính, ngân sách ưu đãi.

 + Năm là, đề xuất các giải pháp vượt trội và các giải pháp hỗ trợ về cơ chế tài chính, ngân sách ưu đãi cho thành phố Đà Nẵng; đồng thời kiến nghị đối với Trung ương và đối với thành phố Đà Nẵng.

 Đề tài “Cơ chế vượt trội nhằm phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2020” là một đề tài khó, do đối tượng nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế tổng hợp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; được nghiên cứu trong bối cảnh Luật NSNN đang được nghiên cứu sửa đổi. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cố gắng, tuy nhiên đề tài không tránh khỏi những khiếm khuyết. Do vậy, Nhóm nghiên cứu rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia và nhà quản lý để tiếp tục hoàn thiện.